

Số: 178 /TTr-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

**TỜ TRÌNH**

**Dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)**

Kính gửi: Chính phủ

*(Tài liệu phục vụ gửi Bộ Tư pháp thẩm định)*

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 8/6/2024 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) (sửa đổi) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT THUẾ TTĐB (SỬA ĐỔI)**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Một là, thực hiện các chủ trương, giải pháp đặt ra tại Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021-2030, Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng, Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội, Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội, Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 155/QĐ-TTg ngày 29/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 24/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể:

+ Ngày 18/11/2016, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN), quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững trong đó nhấn mạnh việc tập trung "Hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu NSNN theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế...".

+ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới cũng đã đưa ra nhiệm vụ: "Tăng thuế TTĐB đối với các hàng hoá có hại cho sức khỏe như đồ uống có cồn, có ga, thuốc lá để hạn chế tiêu dùng".

+ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025,

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội về thuế, phí như sau:

*"Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế và áp dụng mức thuế suất hợp lý, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, đồng thời góp phần thiết lập môi trường cạnh tranh phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế".*

*"Sửa đổi hệ thống luật và chính sách thuế, phí, lệ phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh của môi trường đầu tư. Mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính công bằng, trung lập của chính sách thuế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ các thủ tục nộp thuế, phí của người dân, doanh nghiệp".*

+ Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 đưa ra nhiệm vụ và giải pháp thực hiện như sau: *"Thực hiện các giải pháp khả thi để đạt tỷ lệ huy động cao hơn vào ngân sách nhà nước, khai thác các dự địa thu, mở rộng và chống xói mòn cơ sở thuế, đẩy mạnh chống thất thu, phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế dưới 5% tổng thu NSNN. Khẩn trương sửa đổi, hoàn thiện một số luật thuế, nhất là Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT), Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt... Chú trọng các nguồn thu từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản để tránh thất thoát. Hạn chế việc lồng ghép các chính sách xã hội trong pháp luật về thuế. Rà soát, hoàn thiện các quy định ưu đãi thuế để tránh thất thu, bảo đảm minh bạch, công bằng, khả thi, phù hợp với xu thế phát triển và thông lệ quốc tế".*

+ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã đưa ra phương hướng huy động nguồn lực: *"Sử dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách, công cụ phù hợp để huy động thêm nguồn lực thực hiện Chương trình; xây dựng phương án tăng thuế TTĐB đối với một số mặt hàng cần hạn chế tiêu dùng để kịp thời áp dụng trong thời gian thực hiện Chương trình".*

+ Điểm b khoản 1 Mục III Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, trong đó đối với thuế TTĐB: *"rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung đối tượng chịu thuế TTĐB để điều tiết tiêu dùng phù hợp với sự dịch chuyển về xu hướng tiêu dùng trong xã hội và định hướng của Đảng và Nhà nước về bảo vệ sức khỏe nhân dân và bảo vệ môi trường; xây dựng lộ trình điều chỉnh tăng thuế đối với các mặt hàng thuốc lá, bia, rượu để hạn chế sản xuất, tiêu dùng và thực hiện các cam kết quốc tế; rà soát điều chỉnh mức thuế TTĐB một số mặt hàng để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030; nghiên cứu áp dụng kết hợp giữa thuế suất theo tỷ lệ và mức thuế tuyệt đối đối với một số hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB".*

+ Khoản 1 Mục III Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dinh dưỡng Quốc gia giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã giao nhiệm vụ và giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách về dinh dưỡng gồm: “a) *Rà soát, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về ... xây dựng chính sách, cơ chế tài chính bao gồm cả việc chi trả của bảo hiểm y tế cho các hoạt động dinh dưỡng trong cơ sở y tế và trường học; xây dựng quy định về ghi nhãn dinh dưỡng ở mặt trước bao bì sản phẩm đóng gói sẵn, hạn chế quảng cáo đối với thực phẩm không có lợi cho sức khỏe, đặc biệt đối với trẻ em, áp thuế TTĐB với đồ uống có đường...*”

+ Khoản 5 Mục V Quyết định số 155/QĐ-TTg ngày 29/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2025 đã giao Bộ Tài chính: “b) *Nghiên cứu đề xuất mức thuế phù hợp đối với các sản phẩm đồ uống có đường, các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe và các sản phẩm kinh doanh có điều kiện để hạn chế sử dụng các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe.*”

+ Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 24/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030 đã đề ra mục tiêu “Giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam từ 15 tuổi trở lên xuống dưới 39% trong giai đoạn 2023-2025 và giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam từ 15 tuổi trở lên xuống dưới 36% trong giai đoạn 2026-2030; Ngăn ngừa việc sử dụng các sản phẩm thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, shisha và các sản phẩm thuốc lá mới khác trong cộng đồng”; Yêu cầu “Xây dựng lộ trình tăng thuế đối với các sản phẩm thuốc lá đảm bảo đến năm 2030 mức thuế đạt tỷ trọng trên giá bán lẻ theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới; quy định mức giá bán tối thiểu các sản phẩm thuốc lá, nghiên cứu, đánh giá hiệu quả của phương án tính thuế các sản phẩm thuốc lá trên giá bán lẻ để đạt mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá” và giao Bộ Tài chính “Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các Bộ, ngành liên quan xây dựng lộ trình tăng thuế TTĐB đối với các sản phẩm thuốc lá để đạt được mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá của Chiến lược; xây dựng lộ trình tăng thuế đối với các sản phẩm thuốc lá đảm bảo đến năm 2030 mức thuế đạt tỷ trọng trên giá bán lẻ theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới để đạt mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá; nghiên cứu và đánh giá hiệu quả của phương án tính thuế các sản phẩm thuốc lá trên giá bán lẻ hoặc phương án sử dụng cơ cấu thuế hỗn hợp; xây dựng Đề án cải cách thuế TTĐB đối với các sản phẩm thuốc lá, trình Chính phủ trước năm 2025”.

- Hai là, thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng tại các văn bản: (i) Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (trong đó có yêu cầu không được: “*chi đạo, ban hành thể chế, cơ chế, chính sách có nội dung trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cài cắm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ*” - điểm d khoản 2 Điều 9); (ii) Thông báo Kết luận số 30-TB/BCĐTW ngày 15/01/2023 của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng tại Phiên họp thứ 23, ngày 12/01/2023 của Ban Chỉ

đạo: "...*Khẩn trương rà soát, khắc phục những sơ hở, bất cập trong chính sách, pháp luật liên quan đến ngân hàng, tài chính... và các vấn đề cụ thể mà các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đã kiến nghị, đề xuất*"; (iii) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV (yêu cầu: "*ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, "lợi ích nhóm", "lợi ích cục bộ" trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật*" - Mục 3); (iv) Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH15 ngày 30/8/2023 về hoạt động chất vấn tại Phiên họp thứ 25 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV (yêu cầu: "*Tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc kiểm soát quyền lực phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, "lợi ích nhóm", "lợi ích cục bộ" trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật*" - Mục 2.1); (v) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

- *Ba là*, thực hiện Nghị quyết số 101/2023/QH15 Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV về việc rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ đã có Báo cáo số 587/BC-CP ngày 20/12/2023 về kết quả rà soát. Theo đó, ngày 29/11/2023, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 110/2023/QH15 về Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV, trong đó đã "*... đề nghị Chính phủ chỉ đạo khẩn trương xem xét, xử lý kết quả rà soát và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ 7 đối với nội dung do Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước kiến nghị; có giải pháp khắc phục ngay các nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, vướng mắc, bất cập đã được chỉ ra trong các văn bản dưới luật; nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các luật, pháp lệnh có liên quan theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2024 và Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV*".

- *Bốn là*, thực hiện cam kết quốc tế: Điều 6 Công ước Khung về Kiểm soát thuốc lá (FCTC) mà Việt Nam là thành viên từ 2005, quy định các nước thành viên phải áp dụng các biện pháp làm tăng giá thuốc lá và tăng thuế thuốc lá để giảm tiêu thụ thuốc lá hiệu quả.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

### **2.1. Tình hình thực hiện Luật thuế TTĐB những năm qua**

Luật thuế TTĐB số 27/2008/QH12 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2009 thay thế cho Luật thuế TTĐB năm 1998, Luật sửa đổi một số điều của Luật thuế TTĐB năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB và Luật thuế GTGT năm 2005. Luật thuế TTĐB năm 2008 đã qua 04 lần sửa đổi, bổ sung vào năm 2014 (02 lần), 2016 và năm 2022 để xử lý các bất cập phát

sinh trong thực tiễn và phù hợp với yêu cầu quản lý thuế từng giai đoạn<sup>1</sup>. Qua 16 năm thực hiện, Luật thuế TTĐB đã đạt được các kết quả quan trọng như sau:

- Một là, Luật thuế TTĐB đã có những thay đổi theo đúng định hướng cải cách chính sách của Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020; như xây dựng lộ trình điều chỉnh thuế đối với các mặt hàng thuốc lá, rượu bia, ô tô để điều tiết tiêu dùng của xã hội và thực hiện cam kết quốc tế, góp phần định hướng sản xuất, điều tiết thu nhập của người tiêu dùng có thu nhập cao, góp phần tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội, góp phần bảo vệ môi trường, cụ thể:

Luật thuế TTĐB đã sửa đổi quy định lộ trình tăng thuế suất đối với mặt hàng thuốc lá, rượu bia để góp phần điều tiết tiêu dùng và thực hiện cam kết quốc tế. Đối với mặt hàng thuốc lá, mức thuế suất được quy định tăng theo lộ trình từ 65% lên 70% (từ ngày 01/01/2016 - 31/12/2018) và lên 75% (từ ngày 01/01/2019) để thực hiện cam kết của Việt Nam tại Công ước khung về kiểm soát thuốc lá và mục tiêu giảm sử dụng thuốc lá tại Chiến lược quốc gia phòng chống tác hại thuốc lá đến 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Đối với mặt hàng rượu bia: Trước ngày 01/01/2010, thuế TTĐB đối với bia được phân biệt theo loại bia: bia chai, bia lon áp dụng các mức thuế suất 75% đối với bia chai; bia tươi, bia hơi áp dụng 30% trong năm 2006, 2007 và 40% từ năm 2008. Để thực hiện yêu cầu gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Quốc hội đã thông qua Luật Thuế TTĐB số 27/2008/QH12 quy định áp dụng thống nhất một mức thuế suất đối với tất cả loại bia là 45% từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2012 và 50% từ ngày 01/01/2013. Theo đó, mặt hàng bia chai đã được giảm từ 75% xuống 45% - 50%. Việc giảm thuế suất đối với mặt hàng bia đã làm tăng sức mua (tiêu thụ) đối với bia (theo Euromonitor, năm 2010 tổng sản lượng bia tiêu thụ tại Việt Nam đạt khoảng 2,4 tỷ lít, với dân số 88,5 triệu người thì bình quân đầu người là 27,1 lít. Theo Hiệp hội Bia rượu nước giải khát thì sản lượng bia tiêu thụ năm 2013 là trên 3 tỷ lít và tính bình quân đầu người là 32 lít/người).

Để thực hiện mục tiêu giảm tiêu thụ rượu, bia và hạn chế lạm dụng rượu, bia, tại Luật sửa đổi, bổ sung Luật thuế TTĐB năm 2014 đã quy định lộ trình tăng thuế như sau:

Rượu từ 20 độ trở lên: tăng từ 50% lên 55% (từ 01/01/2016-31/12/2016), tăng lên 60% (từ 01/01/2017-31/12/2017) và tăng lên 65% (từ 01/01/2018); Rượu dưới 20 độ: tăng từ 25% lên 30% từ ngày 01/01/2016 và tăng lên 35% từ ngày 01/01/2018; Bia: từ ngày 01/01/2016 tăng từ 50% lên 55%, từ ngày 01/01/2017 tăng lên 60%, từ ngày 01/01/2018 tăng lên 65%.

<sup>1</sup> Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB số 70/2014/QH13; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế; Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật quản lý thuế; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đầu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế TTĐB và Luật thi hành án dân sự.

- Hai là, Luật thuế TTĐB đã góp phần định hướng tiêu dùng tiết kiệm đối với nhiên liệu có nguồn gốc hóa thạch và khuyến khích sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường:

Để khuyến khích người dân tiêu dùng các loại xăng thân thiện môi trường, Luật thuế TTĐB quy định thuế suất đối với xăng sinh học (mức thuế suất 8% đối với xăng E5 và mức thuế suất 7% đối với xăng E10) thấp hơn mức thuế suất áp dụng đối với xăng khoáng (thuế suất 10%).

Để khuyến khích sử dụng các chủng loại xe tiết kiệm nhiên liệu và thân thiện với môi trường, tại Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật quản lý thuế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016 đã quy định giảm thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô dưới 9 chỗ có dung tích xi lanh từ 2.000 cm<sup>3</sup> trở xuống, cụ thể như sau: Giảm thuế suất thuế TTĐB đối với dòng xe ô tô có dung tích xi lanh dưới 2.000 cm<sup>3</sup> và chia thành các nhóm nhỏ: (1) Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm<sup>3</sup> trở xuống: Từ ngày 01/01/2018 áp dụng thuế suất 35% (giảm 10% so với quy định tại Luật số 70/2014/QH13); (2) Loại trên 1.500 cm<sup>3</sup> đến 2.000 cm<sup>3</sup>: Từ ngày 01/01/2018 áp dụng thuế suất 40% (giảm 5% so với quy định tại Luật số 70/2014/QH13). Đối với xe chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện, năng lượng sinh học, xe chạy điện, Luật thuế TTĐB quy định xe chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện áp dụng thuế suất chỉ bằng 70% mức thuế suất của xe ô tô cùng loại chạy xăng; xe ô tô chạy bằng năng lượng sinh học áp dụng mức thuế suất chỉ bằng 50% mức thuế suất của xe ô tô cùng loại chạy xăng; giảm thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô điện: (1) Loại chở người từ 9 chỗ trở xuống áp dụng thuế suất 15% (giảm 10% so với quy định tại Luật số 70/2014/QH13); (2) Loại chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ: áp dụng thuế suất 10% (giảm 5% so với quy định tại Luật số 70/2014/QH13); (3) Loại chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ: áp dụng thuế suất 5% (giảm 5% so với quy định tại Luật số 70/2014/QH13).

Để sớm cụ thể hoá được chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước, tận dụng cơ hội hình thành chuỗi cung ứng vững chắc cho các doanh nghiệp tại Việt Nam sản xuất xe ô tô điện trong nước và xuất khẩu, góp phần giảm phát thải khí nhà kính trong ngành giao thông, tăng hiệu quả sử dụng năng lượng, khuyến khích phát triển nguồn năng lượng mới và năng lượng tái tạo, tại Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế TTĐB và Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô điện chạy pin theo lộ trình: từ ngày 01/3/2022 là 3%, 2%, 1% và từ ngày 01/3/2027 là 11%, 7%, 4% tùy theo số chỗ ngồi.

- Ba là, Luật thuế TTĐB đã góp phần điều tiết thu nhập của những người có thu nhập cao:

Để điều tiết thu nhập của những người có thu nhập cao, Luật thuế TTĐB quy định thu thuế TTĐB đối với mặt hàng ô tô chở người “xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có

thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chờ người và khoang chờ hàng" và một số hàng hoá, dịch vụ cao cấp vượt trên nhu cầu thông thường của đời sống xã hội với việc quy định thuế suất cao đối các hàng hoá, dịch vụ cao cấp như ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống có dung tích xi lanh trên 4.000cm<sup>3</sup> áp dụng mức thuế suất từ 110%-150%; tàu bay, du thuyền áp dụng mức thuế suất 30%; kinh doanh dịch vụ casino, trò chơi điện tử có thưởng áp dụng thuế suất 35%; kinh doanh vũ trường áp dụng mức thuế suất 40%... để điều tiết thu nhập của những người có thu nhập cao, góp phần tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội.

- *Bốn là*, sửa đổi quy định về giá tính thuế TTĐB là giá nhà nhập khẩu và nhà sản xuất trong nước bán ra, đồng thời bổ sung quy định nhằm chống chuyển giá qua các khâu kinh doanh thương mại như giá bán ra để tính thuế TTĐB không thấp hơn tỷ lệ phần trăm do Chính phủ quy định. Cụ thể, trường hợp hàng hoá chịu thuế TTĐB được bán cho các doanh nghiệp kinh doanh thương mại là doanh nghiệp có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ với doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu hoặc doanh nghiệp kinh doanh thương mại là doanh nghiệp có mối quan hệ liên kết thì giá tính thuế TTĐB không được thấp hơn tỷ lệ phần trăm so với giá bình quân của các doanh nghiệp kinh doanh thương mại mua trực tiếp của doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu bán ra. Hàng hoá chịu thuế TTĐB nhập khẩu được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu khi xác định số thuế TTĐB phải nộp bán ra.

- *Năm là*, Luật thuế TTĐB góp phần ổn định nguồn thu cho NSNN, đảm bảo tỉ lệ động viên hợp lý cho NSNN theo hướng bền vững, giảm dần sự phụ thuộc nguồn thu từ tài nguyên khoáng sản (dầu thô) và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu. Tỷ trọng số thu thuế TTĐB trên tổng thu NSNN hàng năm chiếm khoảng từ 8-9%. Cụ thể, cơ cấu số thu thuế TTĐB trên tổng thu NSNN từ năm 2017-2023 như sau: Năm 2017 chiếm khoảng 8,32% tổng thu NSNN và 1,71% GDP; năm 2018 chiếm khoảng 8,52% tổng thu NSNN và 1,74% GDP; năm 2019 chiếm khoảng 9,21% tổng thu NSNN và 1,86% GDP; năm 2020 chiếm khoảng 8,27% tổng thu NSNN và 1,55% GDP; năm 2021 chiếm khoảng 8,21% tổng thu NSNN và 1,54% GDP; năm 2022 chiếm khoảng 9,6% tổng thu NSNN và 1,84% GDP; năm 2023 chiếm khoảng 8,8% tổng thu NSNN và 1,36% GDP.

Ngoài ra, thuế TTĐB đã cùng với các sắc thuế khác như thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng tạo nên một hệ thống chính sách thuế gián thu tương đối đồng bộ để áp dụng có hiệu quả vào việc điều tiết hàng hoá, dịch vụ, vừa tạo thành nguồn thu ổn định cho ngân sách, vừa thể hiện được vai trò của hệ thống thuế gián thu nói riêng và hệ thống thuế nói chung là một trong những công cụ ổn định kinh tế vĩ mô.

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, qua quá trình tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế TTĐB trong giai đoạn qua, cùng với bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện nay và thời gian tới, chính sách thuế TTĐB cũng đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế:

- *Một là*, đối tượng chịu thuế TTĐB còn hẹp so với thông lệ quốc tế. Theo Luật thuế TTĐB hiện hành có 10 nhóm hàng hóa và 6 nhóm dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB. Tham khảo chính sách các nước cho thấy, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB của các nước rất đa dạng, ví dụ Trung Quốc thu thuế TTĐB đối với 15 nhóm hàng hóa gồm: thuốc lá, đồ uống có cồn, mỹ phẩm; đồ trang sức và đá quý, pháo hoa, sản phẩm xăng dầu, xe máy, ô tô, bóng chơi gôn (golf) và dụng cụ chơi gôn, đĩa dùng một lần, du thuyền, đồng hồ đeo tay cao cấp; thuyền sử dụng trong du thuyền, sàn gỗ. Thái Lan thu thuế TTĐB đối với 17 nhóm hàng hóa và dịch vụ gồm: Dầu mỏ và các sản phẩm từ dầu mỏ, nước giải khát, thiết bị điện tử, sản phẩm bằng pha lê, ô tô, du thuyền, nước hoa và mỹ phẩm, thảm sàn và vật liệu trải sàn làm bằng lông động vật, xe máy, pin, vũ trường và hộp đêm, xông hơi, các khóa học về đua ngựa, các khóa học gôn, rượu, bia, thuốc lá, bài chơi poker...

- *Hai là*, một số quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, mô tả mặt hàng tại Biểu thuế chưa thực sự rõ ràng, chưa đồng bộ với pháp luật chuyên ngành dẫn đến vướng mắc trong thực tế thực hiện.

- *Ba là*, thuế suất thuế TTĐB đối với các mặt hàng thuốc lá, rượu, bia, ô tô, còn thấp chưa đủ tác dụng để hạn chế tiêu dùng hoặc điều tiết thu nhập của người sử dụng có thu nhập cao trong xã hội.

- *Bốn là*, chưa thực hiện được một số mục tiêu đề ra của chính sách thuế TTĐB nêu tại Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020 là nghiên cứu áp dụng phương pháp thuế hỗn hợp đối với mặt hàng có hại cho sức khỏe và môi trường.

- *Năm là*, chưa có quy định hoàn trả thuế TTĐB đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết đối với một số mặt hàng cần khuyến khích sản xuất, tiêu dùng sản phẩm thân thiện môi trường.

**2.2. Tạo môi trường pháp luật thống nhất và đồng bộ áp dụng trong nền kinh tế và khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật Thuế TTĐB hiện hành.** Từ ngày Luật thuế TTĐB ban hành đến nay, có nhiều Luật liên quan đã được sửa đổi, bổ sung và ban hành mới, đòi hỏi Luật thuế TTĐB phải sửa đổi để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa các Luật như: Luật Hải quan năm 2014; Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016; Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012; Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019; Luật Doanh nghiệp năm 2020; Tiêu chuẩn Việt Nam về ô tô.

### **2.3. Phù hợp xu hướng cải cách thuế TTĐB của các nước**

Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy có 04 nhóm hàng hóa cơ bản mà pháp luật thuế TTĐB ở hầu hết các nước được quy định là đối tượng chịu thuế gồm: (1) các sản phẩm thuốc lá; (2) các sản phẩm đồ uống có cồn (rượu, bia) và các sản phẩm nước giải khát có đường hoặc có ga; (3) các sản phẩm dầu mỏ (xăng, dầu); (4) ô tô, đặc biệt là ở các nước trong khu vực châu Á như Trung Quốc và tất cả các nước Đông Nam Á. Xu thế chung về cải cách thuế TTĐB ở nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay là mở rộng cơ sở tính thuế nhằm hạn chế



việc tiêu dùng một số loại hàng hóa có hại cho sức khỏe cộng đồng, trẻ em, môi trường hoặc nhà nước cần có sự điều tiết về tiêu dùng, bổ sung một số hàng hóa, dịch vụ mới vào đối tượng chịu thuế TTĐB (như nước giải khát có đường).

## **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT THUẾ TTĐB (SỬA ĐỔI)**

### **1. Mục đích ban hành Luật thuế TTĐB (sửa đổi)**

- Hoàn thiện quy định về chính sách thuế TTĐB để mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện luật nhằm góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế trong phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế, đảm bảo thu đúng thu đủ vào NSNN, đảm bảo ổn định nguồn thu NSNN.

- Đổi mới các nội dung và các điều luật theo hướng gia tăng các quy định, luật hóa các quy định đã thực hiện ổn định tại văn bản dưới luật; góp phần cải cách thủ tục quản lý thuế theo hướng đơn giản, rõ ràng, công khai, thực hiện quản lý thuế điện tử, tạo môi trường thuận lợi cho người nộp thuế tuân thủ pháp luật về thuế, tự giác nộp đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào NSNN.

- Khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Luật thuế TTĐB thời gian qua; tháo gỡ bất cập, chồng chéo trong hệ thống pháp luật thuế TTĐB và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với pháp luật có liên quan; bảo đảm tính khả thi và thuận lợi cho tổ chức thực hiện, khơi thông, phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Điều chỉnh tăng mức thuế đối với các mặt hàng có hại cho sức khỏe theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) để góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và điều tiết tiêu dùng của xã hội phù hợp xu hướng cải cách thuế của các nước cũng như thực hiện cam kết quốc tế.

- Sửa đổi, bổ sung những quy định tại luật để phù hợp xu hướng cải cách thuế của quốc tế.

### **2. Quan điểm xây dựng dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi)**

- Việc xây dựng dự án Luật nhằm thực hiện đúng các chủ trương của Đảng, Nhà nước đã nêu tại các Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016, Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội, Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội, Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 155/QĐ-TTg ngày 29/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 24/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Luật hoá những vấn đề đã rõ, đã được thực tế kiểm nghiệm, rà soát, xác định rõ những nội dung, phạm vi vấn đề cần sửa đổi, bổ sung để khắc phục được khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.
- Kế thừa và phát huy những quy định đã mang lại tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của Luật thuế TTĐB hiện hành; những nội dung cần sửa đổi, bổ sung phải có quy định rõ ràng, minh bạch, có đánh giá tác động cụ thể.
- Đảm bảo mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với xu hướng phát triển.

### **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ ÁN LUẬT**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Dự thảo Luật thuế TTĐB (sửa đổi) quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ tính thuế, giá tính thuế, thời điểm xác định thuế TTĐB, thuế suất, hoàn thuế, khấu trừ thuế và giảm thuế TTĐB.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

- Đối tượng chịu thuế TTĐB gồm 11 nhóm hàng hóa (Thuốc lá; Rượu; Bia; Xe có động cơ dưới 24 chỗ; Xe mô tô hai bánh, Xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125cm<sup>3</sup>; Máy bay, trực thăng, tàu lượn và du thuyền; Xăng các loại; Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống; Bài lá; Vàng mã, hàng mã; Nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) có hàm lượng đường trên 5g/100ml và 6 nhóm dịch vụ (Kinh doanh vũ trường; Kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê; Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng; Kinh doanh đặt cược; Kinh doanh gôn (golf); Kinh doanh xổ số).

- Người nộp thuế là tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

- Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

Ngày 08/06/2024, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 129/2024/QH15 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024. Theo đó, Luật Thuế TTĐB (sửa đổi) đã được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024) và thông qua tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025).

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và 2025 của Quốc hội, Bộ Tài chính đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Dự án Luật Thuế TTĐB (sửa đổi) (Quyết định số 1447/QĐ-BTC ngày 26/6/2024). Ban soạn thảo đã tiến hành các hoạt động triển khai nghiên cứu xây dựng dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi) theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Hồ sơ dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi) đã được gửi xin ý kiến các tổ chức, cá nhân, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính để

xin ý kiến rộng rãi (Công văn số 6059/BTC-CST ngày 11/6/2024). Các ý kiến đóng góp đã được tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình.

Ngày .../.../2024, hồ sơ dự án Luật Thuế TTĐB (sửa đổi) đã được Hội đồng thẩm định do Bộ Tư pháp thành lập tiến hành thẩm định và có Báo cáo thẩm định. Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, chỉnh lý dự thảo Luật và các tài liệu kèm theo để trình Chính phủ.

## **V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT**

### **1. Bố cục**

Dự thảo Luật thuế TTĐB (sửa đổi) gồm 04 Chương, 12 Điều, cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung, gồm 04 điều (từ Điều 1 đến Điều 4).

Chương II. Căn cứ tính thuế, gồm 04 điều (từ Điều 5 đến Điều 8).

Chương III. Hoàn thuế, khấu trừ thuế, giảm thuế gồm 02 điều (Điều 9 và Điều 10).

Chương IV. Điều khoản thi hành, gồm 02 Điều (Điều 11 và Điều 12).

### **2. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật**

Dự thảo Luật sửa đổi 10 Điều của Luật Thuế TTĐB hiện hành: gồm các Điều quy định về đối tượng chịu thuế (Điều 2); đối tượng không chịu thuế (Điều 3); người nộp thuế (Điều 4); căn cứ tính thuế (Điều 5); giá tính thuế (Điều 6); thuế suất (Điều 8); hoàn thuế, khấu trừ thuế (Điều 9); giảm thuế (Điều 10); hiệu lực thi hành (Điều 11); Tổ chức thực hiện (Điều 12) và bổ sung 01 Điều quy định về thời điểm xác định thuế TTĐB (Điều 7).

Đối với những nội dung sửa đổi, bổ sung, dự thảo Luật đã bám sát theo 07 nhóm chính sách tại hồ sơ lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế TTĐB (sửa đổi) đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) và Quốc hội đồng ý thông qua gồm: (1) Hoàn thiện các quy định về đối tượng chịu thuế TTĐB; (2) Hoàn thiện các quy định về đối tượng không chịu thuế TTĐB; (3) Hoàn thiện quy định về căn cứ tính thuế TTĐB; (4) Hoàn thiện quy định về giá tính thuế TTĐB; (5) Hoàn thiện quy định về thuế suất thuế TTĐB; (6) Hoàn thiện quy định về hoàn thuế, khấu trừ thuế TTĐB; (7) Hoàn thiện quy định về điều khoản thi hành. Đồng thời, thực hiện ý kiến của Lãnh đạo Quốc hội, dự thảo Luật quy định luật hóa một số nội dung đang thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật thuộc các nhóm chính sách nêu trên.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật Thuế TTĐB (sửa đổi) cụ thể như sau:

#### **2.1. Về đối tượng chịu thuế TTĐB**

Luật Thuế TTĐB hiện hành quy định 10 nhóm hàng hóa và 6 nhóm dịch vụ chịu thuế TTĐB. Để mở rộng cơ sở thuế, đồng bộ với pháp luật chuyên

ngành có liên quan và luật hóa các quy định đang thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật (Nghị định, Thông tư), Bộ Tài chính đề xuất:

**a) Đối với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB**

- Sửa đổi quy định rõ mặt hàng “thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm” thành “*thuốc lá theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá bao gồm thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lào hoặc các dạng khác*” để đồng bộ với Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá (nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định rõ mặt hàng “rượu” thành “*rượu theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia*” để đồng bộ với Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia (nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định rõ mặt hàng “bia” thành “*bia theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia*” để đồng bộ với Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia (nội dung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật).

- Sửa đổi, bổ sung quy định mặt hàng “xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng” thành “*xe có động cơ dưới 24 chỗ, bao gồm: xe ô tô chở người; xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; xe ô tô pick-up chở người; xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép; xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng*” để đồng bộ với Tiêu chuẩn Việt Nam về ô tô, quy định về xe chở người bốn bánh có gắn động cơ tại Luật Đường bộ năm 2024 và Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải (nội dung quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật). Đồng thời, sửa đổi nội dung mô tả mặt hàng tương ứng tại cột Hàng hóa, dịch vụ của Biểu thuế suất thuế TTĐB (nội dung quy định tại cột Hàng hóa, dịch vụ của Biểu thuế suất thuế TTĐB tại Điều 8 dự thảo Luật).

- Thay quy định “tàu bay” bằng quy định “*máy bay, trực thăng, tàu lượn*” và bổ sung hướng dẫn rõ các mặt hàng *máy bay, trực thăng, tàu lượn* và du thuyền chịu thuế TTĐB là loại *sử dụng cho mục đích dân dụng* để làm rõ đối tượng chịu thuế TTĐB là các loại tàu bay có động cơ và là những mặt hàng cao cấp phục vụ cho mục đích tiêu dùng cá nhân của các đối tượng có thu nhập cao trong xã hội (nội dung quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định rõ mặt hàng điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống chịu thuế TTĐB như sau: “*Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống trừ loại theo thiết kế của nhà sản xuất chỉ để lắp trên phương tiện vận tải bao gồm ô tô, toa xe lửa, tàu, thuyền, máy bay. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất bán hoặc tổ chức, cá nhân nhập khẩu nhập tách riêng từng bộ phận là cục nóng hoặc cục lạnh thì hàng hóa bán ra hoặc nhập khẩu (cục nóng, cục lạnh) vẫn thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như đối với sản phẩm hoàn chỉnh (máy điều hòa nhiệt độ hoàn chỉnh)*” để luật hóa quy định

đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật<sup>2</sup> (nội dung quy định tại điểm h khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định rõ mặt hàng “hàng mã” chịu thuế TTĐB *không bao gồm hàng mã là đồ chơi trẻ em, đồ dùng dạy học* để luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật<sup>3</sup> (nội dung quy định tại điểm k khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật).

- Bổ sung nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) có hàm lượng đường trên 5g/100ml, vào đối tượng chịu thuế TTĐB để thực hiện các chủ trương chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về bảo vệ sức khỏe nhân dân, khuyến cáo của WHO, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc UNICEF và Bộ Y tế về thực tế bệnh tật liên quan đến nước giải khát có đường tại Việt Nam, kịp thời ngăn ngừa và giảm thiểu tình trạng thừa cân, béo phì đáng báo động ở trẻ em và thanh thiếu niên, nhằm dự phòng giảm thiểu rủi ro bệnh tật và gánh nặng y tế đối với bệnh không lây nhiễm, nâng cao nhận thức và hạn chế tiêu thụ nước giải khát có đường, mang lại lợi ích về sức khỏe cộng đồng, đặc biệt đối với giới trẻ, thế hệ tương lai của quốc gia, phù hợp với thông lệ quốc tế (nội dung quy định tại điểm l khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật).

#### **b) Đối với dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB**

- Sửa đổi quy định rõ kinh doanh đặt cược *bao gồm đặt cược thể thao, giải trí và các hình thức đặt cược khác* theo quy định của pháp luật để luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật<sup>4</sup> (nội dung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định rõ hoạt động kinh doanh *gôn bao gồm cả kinh doanh sân tập gân, phòng tập gân điện tử* để luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật<sup>5</sup> và giải quyết vướng mắc phát sinh trong thực tiễn (nội dung quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật).

#### **2.2. Về đối tượng không chịu thuế TTĐB**

- Sửa đổi quy định rõ hàng hóa do tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, *thuê gia công* trực tiếp xuất khẩu *ra nước ngoài* hoặc bán, ủy thác cho tổ chức, cá nhân kinh doanh khác để xuất khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB để đảm bảo minh bạch chính sách (nội dung quy định tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định rõ hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB như sau:

+ Sửa đổi quy định rõ hàng hóa nhập khẩu là hàng hóa viện trợ nhân đạo, quà biếu, quà tặng không chịu thuế TTĐB để luật hóa quy định đang thực hiện

<sup>2</sup> Quy định Điều 2 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính.

<sup>3</sup> Quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ.

<sup>4</sup> Quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ.

<sup>5</sup> Quy định tại điểm a khoản 9 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính.

ôn định tại văn bản dưới Luật<sup>6</sup> và đồng bộ với pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu như sau:

++ Sửa đổi quy định rõ về hàng hóa viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại *bao gồm hàng viện trợ nhân đạo, hàng viện trợ không hoàn lại, bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu bằng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, hàng trợ giúp nhân đạo, hàng cứu trợ khẩn cấp nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh.*

++ Sửa đổi quy định “quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân” thành “*quà tặng của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp trong định mức được miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu*”.

++ Sửa đổi quy định “quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo mức quy định của Chính phủ” thành “*quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam trong định mức được miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu*”.

Nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật.

+ Sửa đổi quy định “hàng hóa vận chuyển quá cảnh, hoặc mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam, hàng hóa chuyển khẩu theo quy định của Chính phủ” thành “*hàng hóa quá cảnh theo quy định pháp luật thương mại, quản lý ngoại thương, hàng hóa chuyển khẩu, trung chuyển theo quy định của pháp luật hải quan*” để đồng bộ với quy định của pháp luật chuyên ngành (nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật).

+ Sửa đổi quy định rõ đối với hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu trong *trường hợp quá thời hạn tái xuất khẩu, tái nhập khẩu hoặc bán ra/thay đổi mục đích sử dụng trong thời hạn tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu thì tổ chức, cá nhân kinh doanh phải nộp thuế TTĐB* (nội dung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật).

+ Sửa đổi, quy định rõ “hàng hóa mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế *nhập khẩu theo quy định của pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu* và hàng nhập khẩu đã bán tại cửa hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB (nội dung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật).

+ Bổ sung quy định “*hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài bị phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu*” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB để xử lý đúng bản chất của giao dịch và phù hợp đạo lý không thu cùng một loại thuế 02

<sup>6</sup> Quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ và điểm 2.1 khoản 2 Điều 3 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính.

lần đối với cùng 01 hàng hóa như đã được quy định tại pháp luật về thuế GTGT và thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường (nội dung quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định về tàu bay, du thuyền thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB như sau: “*Máy bay, trực thăng, tàu lượn, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hoá, hành khách, khách du lịch và máy bay, trực thăng, tàu lượn sử dụng cho các mục đích an ninh, quốc phòng, huấn luyện đào tạo phi công, phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ*” để phù hợp với mục tiêu thu thuế TTĐB đối với tàu bay là những mặt hàng cao cấp, phục vụ nhu cầu cá nhân của các đối tượng có thu nhập cao trong xã hội, luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật<sup>7</sup>, đảm bảo tính ổn định của chính sách, xử lý những bất cập phát sinh trong thực tế (nội dung quy định tại khoản 3 Điều 3 dự thảo Luật).

- Bổ sung quy định “*xe ô tô chở người, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông và chỉ chạy trong khu di tích lịch sử, bệnh viện, trường học*” và “*xe ô tô chuyên dụng khác theo quy định của Chính phủ*” vào đối tượng không chịu thuế TTĐB để giải quyết những vướng mắc phát sinh trong thực tế (nội dung quy định tại khoản 4 Điều 3 dự thảo Luật).

- Bổ quy định “Hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng hoá từ nội địa bán vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hoá được mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau, trừ xe ô tô chở người dưới 24 chỗ” ra khỏi đối tượng không chịu thuế để mở rộng cơ sở thuế và đảm bảo minh bạch chính sách (bỏ nội dung quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật Thuế TTĐB hiện hành).

### 2.3. Về người nộp thuế

- Sửa đổi, bổ sung quy định rõ về người nộp thuế TTĐB là tổ chức, cá nhân sản xuất, *gia công*, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB để bao quát các trường hợp.

- Sửa đổi quy định rõ “trường hợp tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu hàng hoá thuộc diện chịu thuế TTĐB của tổ chức, cá nhân sản xuất để xuất khẩu *ra nước ngoài* nhưng không xuất khẩu *ra nước ngoài* mà tiêu thụ trong nước thì tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu là người nộp thuế TTĐB” để đảm bảo minh bạch chính sách (nội dung quy định tại Điều 4 dự thảo Luật)

- Đồng thời, sửa đổi, bổ sung đồng bộ các quy định tại Luật về “cơ sở” sản xuất/nhập khẩu/kinh doanh/sản xuất kinh doanh thành “tổ chức, cá nhân” sản xuất/nhập khẩu/kinh doanh/sản xuất kinh doanh để thống nhất, đồng bộ về khái niệm.

<sup>7</sup> Quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ.

## 2.4. Về căn cứ tính thuế TTĐB

Sửa đổi, bổ sung quy định về căn cứ tính thuế TTĐB để bao quát trường hợp bổ sung áp dụng thuế tuyệt đối, áp dụng thuế hỗn hợp như sau:

1. Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt *áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm* là giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và thuế suất. Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bằng giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt nhân với thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt.

2. Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt *áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối* là lượng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và mức thuế tuyệt đối. Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bằng lượng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế nhân với mức thuế tuyệt đối.

3. Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt *áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp* là tổng của số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp theo phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm và số thuế phải nộp theo phương pháp tính thuế tuyệt đối theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Nội dung quy định tại Điều 5 dự thảo Luật.

## 2.5. Về giá tính thuế TTĐB

- Bổ sung quy định về giá tính thuế TTĐB đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu như sau: “Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá đo tổ chức, cá nhân sản xuất, tổ chức, cá nhân nhập khẩu bán ra. Trường hợp giá bán của tổ chức, cá nhân sản xuất, tổ chức, cá nhân nhập khẩu bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường thì cơ quan thuế thực hiện ấn định thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế” để luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật<sup>8</sup> (nội dung quy định tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định rõ giá tính thuế TTĐB đối với hàng hóa nhập khẩu tại khâu nhập khẩu là *trị* giá tính thuế nhập khẩu *theo quy định pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu*, cộng với thuế nhập khẩu, *cộng với các khoản thuế là thuế nhập khẩu bổ sung theo quy định pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (nếu có)* để đồng bộ với pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu, *thuế nhập khẩu bổ sung* thì giá tính thuế *tiêu thụ đặc biệt* không bao gồm số thuế nhập khẩu, *thuế nhập khẩu bổ sung* được miễn, giảm (nội dung quy định tại khoản 2 Điều 6 dự thảo Luật).

Đồng thời chuyển quy định “Hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nhập khẩu được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bán ra” tại khoản 2 Điều 6 Luật thuế TTĐB hiện hành sang Điều khoản về hoàn thuế, khấu trừ thuế để phù hợp với kết cấu của dự thảo Luật (nội dung quy định tại khoản 3 Điều 9 dự thảo Luật).

<sup>8</sup> Quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.



- Bổ sung quy định “Đối với hàng hóa sản xuất dưới hình thức hợp tác kinh doanh giữa tổ chức, cá nhân sản xuất và tổ chức, cá nhân sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu (nhãn hiệu) hàng hóa, công nghệ sản xuất thì giá tính thuế TTĐB là giá bán ra của tổ chức, cá nhân sử dụng hoặc sở hữu thương hiệu hàng hóa, công nghệ sản xuất. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất theo giấy phép nhượng quyền và chuyển giao hàng hóa cho chi nhánh hoặc đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam để tiêu thụ sản phẩm thì giá tính thuế TTĐB là giá bán ra của chi nhánh, đại diện công ty nước ngoài tại Việt Nam” để luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật<sup>9</sup> (nội dung quy định tại khoản 4 Điều 6 dự thảo Luật).

- Bổ sung quy định về giá tính thuế TTĐB đối với trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu bán hàng chịu thuế TTĐB có gắn liền với dịch vụ cho thuê một phần hoặc bộ phận của hàng hóa đó thì giá tính thuế TTĐB là giá tính thuế của hàng hóa cùng loại hoặc tương đương, có bao gồm giá của bộ phận được cho thuê, được bán tại thời điểm phát sinh để bao quát trường hợp phát sinh trong thực tế (nội dung quy định tại khoản 5 Điều 6 dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định rõ về giá tính thuế đối với kinh doanh gôn để luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật<sup>10</sup> như sau: “Đối với kinh doanh gôn là giá bán thẻ hội viên, giá bán vé chơi gôn bao gồm cả tiền phí chơi gôn, tiền bán vé tập gôn, tiền bảo dưỡng sân cỏ, hoạt động cho thuê xe (buggy) và thuê người giúp việc trong khi chơi gôn và tiền ký quỹ (nếu có) và các khoản thu khác liên quan đến chơi gôn do người chơi gôn, hội viên trả cho tổ chức, cá nhân kinh doanh gôn” (nội dung quy định tại điểm a khoản 6 Điều 6 dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định rõ giá tính thuế đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược là doanh thu từ hoạt động này trừ số tiền đã trả thưởng cho khách và số tiền đổi trả cho khách không sử dụng hết (nếu có) (nội dung quy định tại điểm b khoản 6 Điều 6 dự thảo Luật).

- Sửa đổi quy định rõ giá tính thuế đối với kinh doanh vũ trường, mát-xa, ka-ra-ô-kê là doanh thu của các hoạt động kinh doanh trong vũ trường, kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê bao gồm cả doanh thu của dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm để luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật<sup>11</sup> (nội dung quy định tại điểm c khoản 6 Điều 6 dự thảo Luật).

- Bổ sung quy định giá tính thuế đối với kinh doanh xổ số thì giá tính thuế TTĐB là doanh thu bán vé các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật để luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại các văn

<sup>9</sup> Quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính.

<sup>10</sup> Quy định tại điểm a khoản 7 Điều 4 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ và điểm a khoản 9 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính.

<sup>11</sup> Quy định tại điểm d khoản 7 Điều 4 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ và điểm d khoản 9 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính.

bản dưới Luật<sup>12</sup> (nội dung quy định tại điểm d khoản 6 Điều 6 dự thảo Luật).

- Bổ sung quy định về giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để *khuyến mại* là giá tính thuế TTĐB của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này (tương tự như đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi hoặc tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho) để luật hóa quy định đang được thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật<sup>13</sup> (nội dung quy định tại khoản 7 Điều 6 dự thảo Luật).

- Bổ sung quy định “*Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chế độ hóa đơn, chứng từ thì cơ quan thuế căn cứ vào tình hình sản xuất, kinh doanh thực tế để ấn định theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp*” để luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật<sup>14</sup> (nội dung quy định khổ cuối tại Điều 6 dự thảo Luật).

## 2.6. Về thời điểm xác định thuế TTĐB

Bổ sung 01 Điều quy định về thời điểm xác định thuế TTĐB để luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật<sup>15</sup> như sau:

“- *Thời điểm xác định thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.*

- *Thời điểm xác định thuế tiêu thụ đặc biệt đối với dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.*

- *Thời điểm xác định thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.”*

Nội dung quy định tại Điều 7 dự thảo Luật.

## 2.7. Về thuế suất thuế TTĐB

**a) Đối với mặt hàng thuốc lá:** Giữ nguyên mức thuế suất 75% và bổ sung mức thuế tuyệt đối theo lộ trình với 02 phương án như sau:

Mức thuế tuyệt đối được quy định theo lộ trình tăng từng năm trong giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030 để góp phần đạt mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam từ 15 tuổi trở lên xuống dưới 39% trong giai đoạn 2023 – 2025 và xuống dưới 36% trong giai đoạn 2026 – 2030 theo Chiến lược Phòng chống tác hại của thuốc lá và hướng tới đạt tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ thuốc lá theo khuyến nghị của WHO (75%).

<sup>12</sup> Quy định tại điểm d khoản 7 Điều 4 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ và điểm d khoản 9 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính.

<sup>13</sup> Quy định tại khoản 8 Điều 4 Điều 4 Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ và khoản 7 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính.

<sup>14</sup> Quy định tại khoản 11 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính.

<sup>15</sup> Quy định tại khoản 12 Điều 5 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính.

Cụ thể phương án bổ sung mức thuế tuyệt đối đối với các mặt hàng thuốc lá như sau:

	Phương án 1	Phương án 2
<b>- Đối với thuốc lá điếu:</b>		
Từ năm 2026	2.000 đồng/bao	5.000 đồng/bao
Từ năm 2027	4.000 đồng/bao	6.000 đồng/bao
Từ năm 2028	6.000 đồng/bao	7.000 đồng/bao
Từ năm 2029	8.000 đồng/bao	8.000 đồng/bao
Từ năm 2030	10.000 đồng/bao	10.000 đồng/bao
<b>- Đối với xì gà</b>		
Từ năm 2026	20.000 đồng/điếu	50.000 đồng/điếu
Từ năm 2027	40.000 đồng/điếu	60.000 đồng/điếu
Từ năm 2028	60.000 đồng/điếu	70.000 đồng/điếu
Từ năm 2029	80.000 đồng/điếu	80.000 đồng/điếu
Từ năm 2030	100.000 đồng/điếu	100.000 đồng/điếu
<b>- Thuốc lá sợi, thuốc lào hoặc các dạng khác</b>		
Từ năm 2026	20.000 đồng/100g hoặc 100ml	50.000 đồng/100g hoặc 100ml
Từ năm 2027	40.000 đồng/100g hoặc 100ml	60.000 đồng/100g hoặc 100ml
Từ năm 2028	60.000 đồng/100g hoặc 100ml	70.000 đồng/100g hoặc 100ml
Từ năm 2029	80.000 đồng/100g hoặc 100ml	80.000 đồng/100g hoặc 100ml
Từ năm 2030	100.000 đồng/100g hoặc 100ml	100.000 đồng/100g hoặc 100ml

#### **Đánh giá tác động:**

Theo mô hình đánh giá tác động TAXim của WHO, dự kiến tác động của việc bổ sung thuế tuyệt đối đối với thuốc lá theo 02 phương án nêu trên như sau:

Đối với Phương án 1: Tỷ lệ hút thuốc ở nam giới giảm từ 42,7% (2022) xuống còn 41,7% vào năm 2026 và đến năm 2030 giảm xuống còn 38,5%. Tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ tăng từ 36% (2022) lên 44% vào năm 2026 và đến năm 2030 tăng lên 59,4%. Số thu thuế TTĐB đối với thuốc lá tăng từ 17,6 nghìn tỷ (2022) lên 23,7 nghìn tỷ năm 2026 và 39,1 nghìn tỷ năm 2030.

Đối với Phương án 2: Tỷ lệ hút thuốc ở nam giới giảm từ 42,7% (2022) xuống còn 39,7% vào năm 2026 và đến năm 2030 giảm xuống còn 38,6%. Tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ tăng từ 36% (2022) lên 52,4% vào năm 2026 và đến năm 2030 tăng lên 59,38%. Số thu thuế TTĐB đối với thuốc lá tăng từ 17,6 nghìn tỷ (2022) lên 30 nghìn tỷ năm 2026 và 39,2 nghìn tỷ năm 2030.

Việc áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với thuốc lá sẽ góp phần tăng tính hiệu quả của chính sách thuế TTĐB đối với mục tiêu tăng giá, góp phần giảm tiêu dùng sản phẩm thuốc lá giá rẻ, chất lượng thấp do cấu phần thuế tuyệt đối sẽ giúp thu hẹp sự chênh lệch giá. Áp dụng thuế hỗn hợp, mức tăng giá ở các nhãn hiệu thuốc lá giá rẻ chiếm tỷ lệ lớn hơn so với các nhãn hiệu thuốc lá đắt tiền, từ đó sẽ ít có sự chuyển đổi sang các nhãn hiệu rẻ hơn, phù hợp mục tiêu “*chuyển đổi cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm trung, cao cấp, giảm dần tỷ trọng thuốc lá phổ thông*” tại Quyết định số 1988/QĐ-BCT

ngày 01/4/2013 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch sản xuất sản phẩm thuốc lá và phát triển nguyên liệu thuốc lá Việt Nam, các chủ trương, chiến lược của Đảng, Nhà nước đã đề ra.

Phân tích tác động của 02 Phương án nêu trên cho thấy cả 02 Phương án đều tăng giá cho tất cả các nhãn hiệu thuốc lá (bao gồm các sản phẩm ở cả hai phân khúc bình dân và cao cấp), nhưng Phương án 2 sẽ tác động làm tăng mức giá cao hơn. Theo Nghiên cứu của Trường Đại học Johns Hopkins về phản ứng của người tiêu dùng đối với giá cả cho thấy người tiêu dùng phản ứng mạnh mẽ hơn với mức tăng giá lớn hơn bằng cách giảm lượng tiêu thụ nhiều hơn. Do vậy, Phương án 2 tạo ra hiệu quả tức thời (ngay năm đầu tiên Luật có hiệu lực) về sức khỏe cộng đồng cao hơn so với Phương án 1 do sẽ làm giảm tiêu thụ nhanh hơn, sớm hơn và ở mức độ lớn hơn.

So sánh tác động của 02 Phương án đối với mục tiêu giảm tỷ lệ hút thuốc, tăng tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ cho thấy Phương án 2 tác động hiệu quả hơn, do đó Bộ Tài chính nghiêng về Phương án 2.

Nội dung quy định tại điểm 1 Mục I Biểu thuế TTĐB tại Điều 8 dự thảo Luật.

#### **b) Đối với mặt hàng rượu, bia**

- Về phương pháp tính thuế:

Trong quá trình lập Đề nghị xây dựng Luật thuế TTĐB (sửa đổi), có ý kiến đề nghị nghiên cứu thêm về phương pháp đánh thuế hỗn hợp đối với mặt hàng rượu, bia: Đối với mặt hàng rượu, có một vài doanh nghiệp chuyên kinh doanh, nhập khẩu rượu cao cấp, giá cao của Anh, Pháp đề nghị xem xét áp dụng thuế hỗn hợp đối với rượu. Đối với mặt hàng bia, chỉ có 01 doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh bia cao cấp, cận cao cấp giá cao đề nghị nghiên cứu xem xét áp dụng thuế TTĐB theo phương pháp tính thuế hỗn hợp (Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Việt Nam). Tuy nhiên có nhiều ý kiến (Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, Hiệp hội Doanh nghiệp Đầu tư nước ngoài, Hiệp hội Các nhà đầu tư Tài chính Việt Nam (VAFI), Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn, Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội và nhiều (hơn 20) doanh nghiệp sản xuất bia, rượu ...) đề nghị không áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp mà tiếp tục áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm trên giá bán ra của nhà sản xuất và nhà nhập khẩu như hiện hành đối với mặt hàng bia do phù hợp với điều kiện của Việt Nam hiện nay, đặc thù thị trường bia trong nước với 80% thị phần tiêu thụ là bia phổ thông và bia địa phương giá thấp trong khi có sự chênh lệch lớn về giá bán giữa sản phẩm cao cấp, cận cao cấp và sản phẩm phổ thông.

Theo thông lệ quốc tế<sup>16</sup>, các nước phát triển thường áp dụng thu thuế

<sup>16</sup> Có ba phương thức đánh thuế chủ yếu: (1) Thuế tỷ lệ phần trăm; (2) Thuế tuyệt đối (Mức tiền cụ thể/đơn vị hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB); và (3) Thuế hỗn hợp: Áp dụng đồng thời cả thuế tỷ lệ phần trăm và thuế tuyệt đối. Ba phương thức đánh thuế này được các nước áp dụng tùy chọn theo điều kiện phù hợp của mỗi nước. Không có phương thức nào tiên tiến, hiện đại hơn. Mỗi phương thức đều có các ưu, nhược điểm riêng.

TTĐB tuyệt đối hoặc thuế hỗn hợp với mặt hàng đồ uống có cồn, bia, rượu vì giá bán và chất lượng tương đồng, ít sự khác biệt; các nước đang phát triển thường áp dụng thu thuế TTĐB theo tỷ lệ phần trăm trên giá bán đối với mặt hàng này vì giá bán có sự chênh lệch lớn và chất lượng không tương đồng, đặc biệt có sự khác biệt rất lớn giữa rượu, bia phổ thông, địa phương giá thấp với rượu, bia cao cấp. Trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, giá bán của rượu, bia phổ thông thấp hơn nhiều so với giá rượu, bia cao cấp thì việc thu thuế TTĐB hỗn hợp hay thu thêm một khoản thuế tuyệt đối (thu thuế theo một mức tiền nhất định trên cùng một đơn vị sản phẩm), sẽ tạo áp lực lớn đối với các sản phẩm giá thấp do: Việc áp dụng bổ sung thuế tuyệt đối (sản phẩm có mức giá bán khác nhau đều chịu một khoản tiền thuế như nhau) sẽ dẫn đến tăng giá bán của dòng sản phẩm phổ thông nhiều hơn đáng kể so với sản phẩm giá cao. Do vậy, mặt hàng cao cấp, giá cao sẽ có thể thay thế chiếm lĩnh thị trường, từ đó gây áp lực với sản phẩm bia, rượu phổ thông, bình dân, ảnh hưởng đến sản xuất, khả năng cạnh tranh và ảnh hưởng công ăn việc làm (do thị phần bia phổ thông và bia địa phương giá thấp đang chiếm khoảng 80%). Vì vậy, phương thức tính thuế hỗn hợp hay bổ sung thuế tuyệt đối đối với mặt hàng rượu và bia chưa phù hợp trong điều kiện của Việt Nam hiện nay.

Theo cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) của Việt Nam (toàn bộ Báo cáo về các cam kết gia nhập WTO của Việt Nam, Nghị định thư về việc Việt Nam gia nhập WTO đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 28/11/2006 và Đại hội đồng WTO thông qua), tại Đoạn 198, 199, Báo cáo của Ban công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO đã ghi nhận cam kết của Việt Nam như sau:

“ 198. Cuối cùng, đại diện của Việt Nam xác nhận thêm rằng, trong vòng 3 năm kể từ ngày gia nhập, tất cả các loại rượu chung cất có nồng độ cồn từ 20 độ trở lên sẽ chịu một mức thuế tuyệt đối trên một lít cồn nguyên chất hoặc một mức thuế suất phần trăm duy nhất.

199. Ngoài ra, đại diện của Việt Nam xác nhận rằng, trong vòng 3 năm kể từ ngày gia nhập, Việt Nam sẽ áp dụng *một mức thuế suất phần trăm thống nhất với tất cả các sản phẩm bia (apply a single ad valorem rate to all beer products)* không phân biệt bao bì đóng gói sản phẩm, nghĩa là bia tươi, bia hơi, bia chai hoặc bia lon. Ban công tác ghi nhận cam kết này.”.

Theo cam kết gia nhập WTO, Việt Nam cam kết áp dụng phương pháp tính thuế tỷ lệ đối với bia và việc áp dụng phương pháp tính thuế tỷ lệ đối với bia, rượu là hoàn toàn phù hợp cam kết của Việt Nam.

Chính vì vậy, Chính phủ đã thảo luận kỹ về lựa chọn phương pháp tính thuế đối với rượu, bia. Trên cơ sở cân nhắc các yếu tố tác động đến ngành sản xuất rượu, bia trong nước và cam kết quốc tế khi gia nhập WTO, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 27/02/2024 trong đó nêu rõ: “*Nghiên cứu, chưa bổ sung vào Chính sách 5 của Đề nghị xây dựng Luật nội dung mới về phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với mặt hàng rượu, bia bảo đảm phù hợp*

với Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ và cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO”.

Ngoài ra, việc áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với thuốc lá có tính đặc thù và khác biệt đối với bia, rượu bởi vì phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với thuốc lá để thực hiện cam kết quốc tế, phù hợp với kinh nghiệm của các nước trên thế giới và đặc thù của Việt Nam, cụ thể: (i) Thuốc lá là một mặt hàng đặc biệt, khác với tất cả các mặt hàng khác, nên chính sách quản lý hoàn toàn khác biệt. Sử dụng thuốc lá gây ra gánh nặng về bệnh tật, tử vong và kinh tế không chỉ với người sử dụng mà còn với gia đình và toàn xã hội; (ii) Thực hiện Công ước Khung về Kiểm soát thuốc lá (FCTC). Công ước Khung FCTC tạo ra những khuôn khổ để các nước thành viên sửa đổi, ban hành những biện pháp kiểm soát thuốc lá nhằm giảm thiểu một cách liên tục và mạnh mẽ việc sử dụng thuốc lá để hạn chế các hậu quả về xã hội, kinh tế và môi trường của việc tiêu dùng thuốc lá; (iii) Giá thuốc lá ở Việt Nam thuộc hàng thấp nhất trên thế giới, tỷ lệ hút thuốc vẫn cao và lượng thuốc lá tiêu thụ ngày càng tăng.

- Về mức thuế suất: quy định thuế suất theo tỷ lệ phần trăm tăng theo lộ trình từng năm trong giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030 để đạt mục tiêu tăng giá bán rượu, bia ít nhất 10% theo khuyến nghị tăng thuế của WHO. Cụ thể:

+ Đối với mặt hàng rượu từ 20 độ trở lên:

Năm	Phương án 1	Phương án 2
Từ năm 2026	70%	80%
Từ năm 2027	75%	85%
Từ năm 2028	80%	90%
Từ năm 2029	85%	95%
Từ năm 2030	90%	100%

+ Đối với mặt hàng rượu dưới 20 độ:

Năm	Phương án 1	Phương án 2
Từ năm 2026	40%	50%
Từ năm 2027	45%	55%
Từ năm 2028	50%	60%
Từ năm 2029	55%	65%
Từ năm 2030	60%	70%

+ Đối với mặt hàng bia:

Năm	Phương án 1	Phương án 2
Từ năm 2026	70%	80%
Từ năm 2027	75%	85%
Từ năm 2028	80%	90%
Từ năm 2029	85%	95%
Từ năm 2030	90%	100%

**Đánh giá tác động:**

Đối với Phương án 1: Giá bán năm 2026 sẽ tăng khoảng 2-3% so với năm 2025, và các năm tiếp theo mỗi năm giá bán sẽ tăng 2-3% so với năm trước để đảm bảo giá sản phẩm tăng tương ứng theo mức độ lạm phát và gia tăng thu nhập của các năm tiếp theo.

Đối với Phương án 2: Giá bán năm 2026 sẽ tăng khoảng 10% so với năm 2025, và các năm tiếp theo mỗi năm giá bán sẽ tăng 2-3% so với năm trước để đảm bảo giá sản phẩm tăng tương ứng theo mức độ lạm phát và gia tăng thu nhập của các năm tiếp theo.

So sánh tác động của 02 Phương án cho thấy, với Phương án 2 sẽ có tác động tăng giá, giảm khả năng chi trả của các sản phẩm rượu, bia mạnh hơn, tác động cao hơn trong việc giảm tỷ lệ sử dụng rượu, bia và giảm các tác hại liên quan do việc lạm dụng rượu, bia gây ra. Do vậy, Bộ Tài chính nghiêng về Phương án 2.

Nội dung quy định tại điểm 2, 3 Mục I Biểu thuế TTĐB tại Điều 8 dự thảo Luật.

c) Sửa đổi, bổ sung mô tả và mức thuế suất thuế TTĐB đối với một số mặt hàng thân thiện với môi trường như sau:

STT	Hàng hoá, dịch vụ	Thuế suất (%)
4	Xe có động cơ dưới 24 chỗ	
	đ) Xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện (xe nạp điện bằng hệ thống sạc điện riêng), xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng sinh học, trong đó tỷ trọng xăng sử dụng không quá 70% số năng lượng sử dụng do Chính phủ quy định, xe ô tô chạy bằng khí thiên nhiên	Bằng 70% mức thuế suất áp dụng cho xe cùng loại quy định tại các điểm 4a, 4b, 4c và 4d của Biểu thuế quy định tại Điều này.

Nội dung quy định tại điểm 4đ Mục I Biểu thuế TTĐB tại Điều 8 dự thảo Luật.

d) Sửa đổi, bổ sung mô tả mặt hàng ô tô, quy định rõ thuế suất đối với xe ô tô pick-up chở người thuộc nhóm xe ô tô chở người và xe bốn bánh chở người có gắn động cơ từ 9 chỗ trở xuống, và áp dụng thuế suất phù hợp đối với xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép, xe ô tô tải VAN như sau:

STT	Hàng hoá, dịch vụ	Thuế suất (%)
4	Xe có động cơ dưới 24 chỗ	
	a) Xe ô tô chở người và xe bốn bánh chở người có gắn	

STT	Hàng hoá, dịch vụ	Thuế suất (%)
	<i>động cơ từ 9 chỗ trở xuống, xe ô tô pick-up chở người, trừ loại quy định tại các điểm 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại Điều này</i>	
	....	
	<i>d) Xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép, xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng, trừ loại quy định tại các điểm 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại Điều này</i>	<i>Bằng 60% mức thuế suất áp dụng cho xe quy định tại điểm 4a của Biểu thuế quy định tại Điều này.</i>

Nội dung quy định tại điểm 4d Mục I Biểu thuế TTĐB tại Điều 8 dự thảo Luật.

đ) Quy định mức thuế suất đối với nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), có hàm lượng đường trên 5g/100ml là 10% do đây là mặt hàng mới bổ sung vào đối tượng chịu thuế TTĐB.

Nội dung quy định tại điểm 12 Mục I Biểu thuế TTĐB tại Điều 8 dự thảo Luật.

## 2.8. Về hoàn thuế, khấu trừ thuế TTĐB

- Bổ quy định cho phép hoàn thuế đối với “hàng hóa tạm nhập, tái xuất” tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật thuế TTĐB hiện hành để phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật “c) Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu trong thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB. Trường hợp quá thời hạn tái xuất khẩu, tái nhập khẩu hoặc bán ra trong thời hạn tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu thì tổ chức, cá nhân kinh doanh phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt”.

- Sửa đổi quy định rõ hoàn thuế đối với trường hợp hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu ra nước ngoài và việc hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt chỉ thực hiện đối với số lượng hàng hóa thực tế xuất khẩu ra nước ngoài (nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật).

- Sửa đổi, bổ sung quy định không áp dụng hoàn thuế TTĐB đối với trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động và bổ sung quy định người nộp thuế sẽ được chuyển số thuế TTĐB chưa được khấu trừ khi quyết toán thuế do sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu, chấm dứt hoạt động cho Công ty mới thành lập/Công ty được chuyển đổi/Doanh nghiệp (đối với trường hợp đơn vị hạch toán phụ thuộc chấm dứt hoạt động) để phù hợp với Luật Doanh nghiệp, hạn chế lợi dụng chính sách



hoàn thuế và bao quát các trường hợp như sau:

*“b) Quyết toán thuế khi giải thể, phá sản, có số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết.*

*Trường hợp tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã thì hợp tác xã được kế thừa số thuế TTĐB nộp thừa hoặc chưa được khấu trừ hết của tổ hợp tác để khấu trừ, hoàn thuế theo quy định.”*

Nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật.

- Bổ sung quy định hoàn thuế đối với số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học để khuyến khích sử dụng xăng sinh học, góp phần bảo vệ môi trường và luật hóa quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật<sup>17</sup> như sau:

*Đối với các doanh nghiệp được phép sản xuất, pha chế xăng sinh học, số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học (bao gồm cả số thuế chưa được khấu trừ hết của kỳ khai thuế trước đó liền kề) được bù trừ với số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của hàng hóa, dịch vụ khác phát sinh trong kỳ. Trường hợp sau khi bù trừ, còn số thuế tiêu thụ đặc biệt chưa được khấu trừ hết của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo hoặc được hoàn trả.*

*Nguồn hoàn trả thuế tiêu thụ đặc biệt được lấy từ số thu của ngân sách trung ương về thuế tiêu thụ đặc biệt.*

Nội dung quy định tại khoản 2 Điều 9 dự thảo Luật.

## **2.9. Về giảm thuế**

Bổ sung quy định: *Thủ tục, hồ sơ giảm thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành để luật hóa các quy định đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới luật<sup>18</sup> (nội dung quy định tại Điều 10 dự thảo Luật).*

## **2.10. Về điều khoản thi hành**

Sửa đổi, bổ sung về điều khoản thi hành để đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật trong trường hợp pháp luật chuyên ngành cho phép sản phẩm thuốc lá mới được nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh thì cần quy định dự phòng chính sách thu thuế đối với mặt hàng này tại Luật thuế TTĐB (sửa đổi) như sau:

### **Điều 12. Tổ chức thực hiện**

Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Điều 2, Điều 3, Điều 6, Điều 9 của Luật này.

*Trường hợp các sản phẩm thuốc lá mới được phép nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của thuốc*

<sup>17</sup>Quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ

<sup>18</sup>Quy định tại Điều 9 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính

*lá và/hoặc văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, các sản phẩm thuốc lá mới sẽ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và áp dụng mức thuế tiêu thụ đặc biệt như mức thuế tiêu thụ đặc biệt quy định đối với mặt hàng thuốc lá điếu, xì gà và thuốc lá sợi, thuốc láo hoặc các dạng khác, chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm. Giao Chính phủ quy định mức thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng đối với từng loại sản phẩm thuốc lá mới được phép nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.*

### **3. Tính tương thích, sự phù hợp của nội dung dự thảo Luật với các cam kết quốc tế của Việt Nam**

Qua rà soát về các Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, Bộ Tài chính thấy rằng các nội dung sửa đổi tại dự thảo Luật Thuế TTĐB (sửa đổi) đều đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và không trái với các cam kết tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và là thành viên.

## **VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT**

### **1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Luật như sau:**

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.
- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

### **2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật**

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thuế TTĐB.

- Tuyên truyền, phổ biến Luật: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Luật và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Luật kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để Cục Thuế và Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai thực hiện Luật.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Luật, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Luật.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện:

Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Luật và các văn bản pháp quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.

## VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Tổng hợp ý kiến tham gia về dự thảo Luật thuế TTĐB cho thấy các ý kiến cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo luật và có 2 luồng ý kiến về phương án lộ trình tăng thuế suất đối với mặt hàng thuốc lá, rượu, bia. Cụ thể như sau:

### 1. Đối với mặt hàng thuốc lá

- Tại dự thảo Luật gửi xin ý kiến theo 02 Phương án bổ sung mức thuế tuyệt đối theo lộ trình tăng từng năm trong giai đoạn từ năm 2026 – 2030 đối với thuốc lá điều như sau:

+ Phương án 1: 2.000 đồng/bao (năm 2026), 4.000 đồng/bao (năm 2027), 6.000 đồng/bao (năm 2028), 8.000 đồng/bao (năm 2029), 10.000 đồng/bao (năm 2030).

+ Phương án 2: 5.000 đồng/bao (năm 2026), 6.000 đồng/bao (năm 2027), 7.000 đồng/bao (năm 2028), 8.000 đồng/bao (năm 2029), 10.000 đồng/bao (năm 2030).

- Ý kiến các đơn vị

+ Hiệp hội sản xuất và tiêu thụ thuốc lá, các doanh nghiệp thuốc lá đề xuất giãn lộ trình tăng thuế và áp dụng mức thuế tuyệt đối thấp hơn cả 02 Phương án xin ý kiến.

+ Bộ Y tế, Tổ chức Y tế thế giới, Ngân hàng Thế giới và một số tổ chức bảo vệ sức khỏe: Ủng hộ Phương án 2 của Bộ Tài chính và đề xuất thêm Phương án 3 với mức thuế cao hơn. Cụ thể, bên cạnh thuế tỷ lệ 75%, bổ sung mức thuế tuyệt đối theo lộ trình: 5.000 đồng/bao từ năm 2026, 7.000 đồng/bao từ năm 2027, 10.000 đồng/bao từ năm 2028, 12.500 đồng/bao từ năm 2029 và 15.000 đồng/bao từ năm 2030.

- Ý kiến của Bộ Tài chính

+ Cả 02 phương án về lộ trình tăng mức thuế tuyệt đối tại dự thảo Luật gửi xin ý kiến đã được cân nhắc tính toán trên cơ sở các yếu tố như giá thuốc lá tại Việt Nam đang ngày càng rẻ so với thu nhập, dẫn đến sức mua thuốc lá tăng; Gánh nặng chi phí y tế liên quan đến bệnh tật do thuốc lá gây ra (theo Bộ Y tế, tại Việt Nam, mặt hàng thuốc lá là nguyên nhân gây 40.000 người tử vong mỗi năm cùng chi phí y tế có liên quan đến bệnh tật do thuốc lá gây ra là 1 tỷ USD).

Theo Phương án 2 thì tỷ lệ hút thuốc ở nam giới giảm từ 42,7% (2022) xuống còn 39,7% vào năm 2026 và đến năm 2030 giảm xuống còn 38,6%. Tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ tăng từ 36% (2022) lên 52,4% vào năm 2026 và đến năm 2030 tăng lên 59,38%. Như vậy, Phương án 2 có khả năng giảm tiêu thụ nhanh hơn, sớm hơn và ở mức độ lớn hơn để gần tiếp cận đến mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam từ 15 tuổi trở lên đề ra tại Chiến lược

Phòng chống tác hại của thuốc lá (xuống dưới 36% trong giai đoạn 2026 – 2030) và hướng tới đạt tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ thuốc lá theo khuyến nghị của WHO (75%).

Đối với Phương án 3 của Nhóm bảo vệ sức khỏe (Bộ Y tế, các tổ chức bảo vệ sức khỏe cộng đồng) dù đáp ứng tốt hơn về các yêu cầu hạn chế tiêu dùng, tăng giá bán sản phẩm, đạt tỷ trọng thuế trên giá bán lẻ cao hơn Phương án 2 của Bộ Tài chính và góp phần phòng chống ảnh hưởng của thuốc lá đến môi trường, sức khỏe của người dân nhưng sẽ có tác động lớn hơn nhiều đến doanh nghiệp. Còn 02 Phương án do Hiệp hội Thuốc lá Việt Nam đề xuất thì mức độ tăng rất thấp nên sẽ tác động không mạnh mẽ đến việc giảm tiêu dùng và sẽ không góp phần thực hiện các mục tiêu, chiến lược đã đề ra.

Do vậy, Bộ Tài chính nghiêng theo Phương án 2.

## **2. Đối với mặt hàng rượu, bia**

a) Tại dự thảo Luật gửi xin ý kiến theo 02 phương án tăng thuế suất đối với mặt hàng rượu, bia như sau:

- *Đối với mặt hàng rượu từ 20 độ trở lên:*

+ Phương án 1: Tăng thuế suất từ mức hiện hành 65% lên 70%, 75%, 80%, 85%, 90% theo từng năm trong giai đoạn từ năm 2026-2030.

+ Phương án 2: Tăng thuế suất từ mức hiện hành 65% lên 80%, 85%, 90%, 95%, 100% theo từng năm trong giai đoạn từ năm 2026-2030.

- *Đối với mặt hàng rượu dưới 20 độ:*

+ Phương án 1: Tăng thuế suất từ mức hiện hành 35% lên 40%, 45%, 50%, 55%, 60% theo từng năm trong giai đoạn từ năm 2026-2030.

+ Phương án 2: Tăng thuế suất từ mức hiện hành 35% lên 50%, 55%, 60%, 65%, 70% theo từng năm trong giai đoạn từ năm 2026-2030.

- *Đối với mặt hàng bia:*

+ Phương án 1: Tăng thuế suất từ mức hiện hành 65% lên 70%, 75%, 80%, 85%, 90% theo từng năm trong giai đoạn từ năm 2026-2030.

+ Phương án 2: Tăng thuế suất từ mức hiện hành 65% lên 80%, 85%, 90%, 95%, 100% theo từng năm trong giai đoạn từ năm 2026-2030.

b) Ý kiến tham gia

- Các Bộ (Bộ Y tế, Nội vụ, Công an), địa phương (Yên Bái, Quảng Bình, Quảng Trị, Vĩnh Long, Lạng Sơn, Quảng Ngãi, Bắc Ninh, Phú Yên,...), Tổ chức Y tế Thế giới và các tổ chức bảo vệ sức khỏe nhất trí theo Phương án 2.

- Hiệp hội Bia – Rượu – Nước giải khát Việt Nam và các doanh nghiệp bia, rượu đề nghị xem xét giảm mức tăng thuế và giãn lộ trình tăng.

- Công ty bia Heinekens Việt Nam, Liên minh các doanh nghiệp rượu quốc tế tại Châu Á đề nghị cân nhắc áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối theo nồng độ cồn đối với sản phẩm bia.

Theo Phương án 2 thì giá bán năm 2026 sẽ tăng khoảng 10% so với năm 2025, và các năm tiếp theo mỗi năm giá bán sẽ tăng 2-3% so với năm trước để đảm bảo giá sản phẩm tăng tương ứng theo mức độ lạm phát và gia tăng thu nhập của các năm tiếp theo. Với Phương án 2 sẽ có tác dụng giảm khả năng chi trả đối với các sản phẩm rượu, bia mạnh hơn, tác động tốt hơn trong việc giảm tỷ lệ sử dụng rượu, bia và giảm các tác hại liên quan do việc lạm dụng rượu, bia gây ra. Bộ Tài chính nghiêng theo Phương án 2.

Bộ Tài chính xin ý kiến Chính phủ xem xét, quyết định về phương án lộ trình tăng thuế suất đối với mặt hàng thuốc lá, rượu, bia.

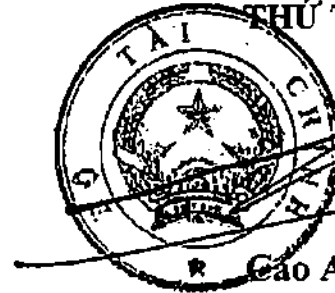
Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Thuế TTĐB (sửa đổi), Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo: Phụ lục Bản thuyết minh chi tiết nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật Thuế TTĐB (sửa đổi); dự thảo Luật Thuế TTĐB (sửa đổi); Báo cáo đánh giá tác động Luật Thuế TTĐB (sửa đổi); Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Thuế TTĐB; Báo cáo rà soát Luật Thuế TTĐB với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Đề cương chi tiết Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế TTĐB (sửa đổi); Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân; Bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan).*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, CST ( 9 b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**



**R. Cao Anh Tuấn**

Handwritten notes in the top right corner, including the number "14" and some illegible scribbles.

